

Bản án số: 205 / 2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 15 - 6 - 2018  
V/v: Ly hôn giữa  
chị Avà anh H

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Văn On.

*Các Hội thẩm nhân dân dân:*

Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

Bà Võ Thị Lan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2017/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “ Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157 /2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Thái Thị A Chil, sinh năm 1986.

Cư trú tại: Tổ 16, ấp Vĩnh Lợi 1, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: Tổ 5, ấp Long Hòa, xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang ( có mặt ).

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982.

Cư trú tại: Tổ 16, ấp Vĩnh Lợi 1, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang ( vắng mặt ).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 9 Năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Thái Thị Atrình bày: Tôi và anh Nguyễn Văn H tự tìm hiểu, yêu thương nhau và sống như vợ chồng từ năm 2002, không có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn trễ hạn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Châu Phong, thị xã Tân Châu theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung vợ chồng có hạnh phúc được đến tháng 01 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H có quan hệ với người phụ nữ khác, gia đình có nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H

dẫn không sửa chữa, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ly thân từ đó cho đến nay. Về quan hệ con chung có 02 con tên Nguyễn Minh Thư, sinh ngày 08/12/2004 và Nguyễn Thái Chu Bil, sinh ngày 16/4/2009 hiện đang sống với mẹ. Về quan hệ tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, về nợ chung không có nợ. Tôi yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H, yêu cầu xin được nuôi 02 đứa nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Thông nhất như cô Thái Thị Atrình bày về thời gian, về điều kiện kết hôn, về quan hệ con cái, về quan hệ tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ ai. Do công việc làm ăn ở xa pH đi cùng với người bạn gái tại Thái Lan nên vợ tôi không hiểu, không thông cảm dẫn đến thông tin tưởng rồi ghen tuông, mặt dù trong thời gian đi làm tôi đều gửi tiền về để vợ nuôi con và sống ly thân từ tháng 04 năm 2017 cho đến nay. Tôi vẫn còn thương vợ, thương con, không đồng ý ly hôn với cô A Chil, vì chúng tôi không có mâu thuẫn, về 02 đứa con chung hiện đang sống với mẹ, tùy theo nguyện vọng của các con, nếu các con muốn sống với mẹ thì tôi cũng đồng ý và cấp dưỡng nuôi con, nếu cô Akiên quyết xin ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn và tôi không cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định vụ án như sau: Hôn nhân giữa chị Thái Thị Avà anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phiên tòa tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp “ Ly hôn ” giữa chị Thái Thị Avà anh Nguyễn Văn H được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Chị Thái Thị Ayêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H, về con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Minh Thư, sinh ngày 08/12/2004 và Nguyễn Thái Chu Bil, sinh ngày 16/4/2009, hiện 02 cháu đang sống với mẹ và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, về nợ chung không có nợ.

[4] Anh Nguyễn Văn H không đồng ý ly hôn với cô Avì vợ chồng không có mâu thuẫn, về 02 đứa con chung hiện đang sống với mẹ, nếu cô Akiên quyết xin ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn, 02 đứa con chung tùy theo nguyện vọng của các con, nếu các con muốn sống với mẹ thì tôi cũng đồng ý và không cấp dưỡng nuôi con, về quan hệ tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, về nợ chung không có nợ ai.

[5] Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn pH được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo

quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

- khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

- Khoản 1-2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì pH xem xét nguyện vọng của con.

- Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; chia tài sản sau khi ly hôn.

[6] Hội đồng xét xử xét nhận thấy: Hôn nhân của chị Thái Thị Avà anh Nguyễn Văn H quá trình chung sống vợ chồng có hạnh phúc được đến tháng 01 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Acho rằng do anh H có quan hệ với người phụ nữ khác, gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H vẫn không sửa chữa nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không tự hòa giải để hàn gắn cuộc sống vợ chồng, mà diễn biến mâu thuẫn ngày một gay gắt, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nghĩ nên cho chị Thái Thị Avà anh Nguyễn Văn H ly hôn là phù hợp. Về quan hệ con chung có 02 con chung tên Nguyễn Minh Thư, sinh ngày 08/12/2004 và Nguyễn Thái Chu Bil, sinh ngày 16/4/2009, hiện đang sống với mẹ, chị Acó nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi 02 con chung và cháu Minh Thư, cháu Chu Bil cũng có nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn thì ở với mẹ. Đối với anh H có ý kiến về con chung thì tùy theo nguyện vọng của các con, nếu các con có nguyện vọng chung sống với mẹ thì anh H cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị Ađược

tiếp tục nuôi dưỡng và anh H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, phía chị Akhông yêu cầu anh H pH có nghĩa vụ đóng góp nuôi con nên hội đồng xét xử không đặt ra đề xem xét giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, về nợ chung không có nợ.

[7] *Về án phí*: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Thái Thị ApH chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0012534 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 9-51-56-81-82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 147 khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 điểm Điều 27 Nghị quyết số:326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân:

- Cho ly hôn giữa chị Thái Thị Avà anh Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con chung:

- Chị Thái Thị Ađược tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Minh Thư, sinh ngày 08/12/2004 và Nguyễn Thái Chu Bil, sinh ngày 16/4/2009, chị Akhông yêu cầu anh H pH đóng góp nuôi con.

3. Về chia tài sản:

- Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung không có nợ.

4. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Thái Thị ApH chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0012534 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Toà án tỉnh;
- VKSND thị xã;
- THADS thị xã
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: VP.

**Đào Văn On**